

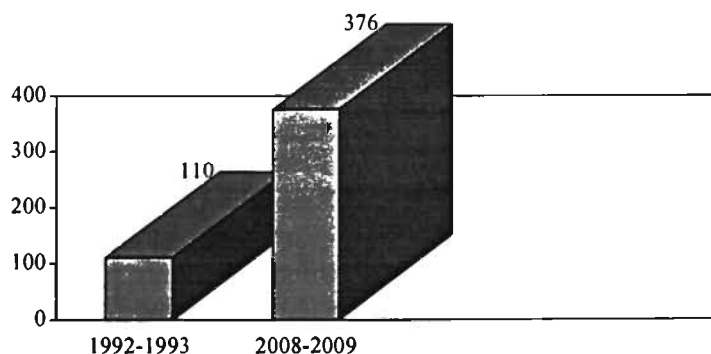
LÀM THẾ NÀO ĐỂ THỰC THI CÓ HIỆU QUẢ QUYỀN TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Ngô Thị Tuyết Mai*

Vấn đề trao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội cho các trường đại học Việt Nam đã được thể hiện trong các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước (điển hình là Luật Giáo dục năm 2005 và Điều lệ Trường Đại học năm 2010) đang được sự quan tâm rất lớn của xã hội nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc thực thi quyền tự chủ còn gặp nhiều khó khăn,

vướng mắc do hạn chế về năng lực quản lý, thiếu các văn bản pháp luật, và do chính bản thân các trường chưa thực sự thay đổi tư duy, phong cách làm việc để huy động tối đa nguồn lực của xã hội và lợi thế cạnh tranh của mình. Tất cả những vấn đề này cần sớm được khắc phục để quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội của các trường đại học Việt Nam thực sự đi vào cuộc sống.

Hình 1: Số lượng các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam



Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Ngô Thị Tuyết Mai, Tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

1. Tính cần thiết phải đổi mới quản lý giáo dục đại học, tăng quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội cho các trường đại học Việt Nam

Từ năm 1986, Việt Nam đã chính thức bắt đầu thực hiện nhiều cải cách về kinh tế - xã hội (Đổi mới) và đã đạt được nhiều thành tựu về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục của Việt Nam nói chung, giáo dục đại học nói riêng vẫn chưa thực sự đáp ứng được những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với nhu cầu học tập của người dân. Những yếu kém, bất cập của bản thân hệ thống giáo dục đại học, đặc biệt về cơ chế quản lý và chất lượng giáo dục, những thách thức của toàn cầu hóa và yêu cầu của hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới đã và đang gây sức cho Chính phủ thực hiện những cải cách giáo dục đại học, trong đó nhấn mạnh đến trao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội của các trường đại học ở Việt Nam.

Quy mô giáo dục đại học ngày càng mở rộng, vượt quá khả năng quản lý của các cơ quan chủ quản. Sau hơn 20 năm thực hiện Đổi mới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, số lượng các trường đại học và cao đẳng đã tăng lên nhanh chóng (Hình 1). Trong cùng giai đoạn, số lượng sinh viên cũng tăng lên tương ứng, từ 162.000 (chiếm 2% dân số) tăng đến hơn 1,6 triệu (chiếm 13% dân số)¹. Trong khi đó, công tác quản lý giáo dục bị phân tán, thiếu sự liên kết, kém hiệu quả. Trong báo cáo trình Chính phủ ngày 29/10/2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã thừa nhận: “*Gần 30 năm qua chúng ta chưa thực sự quản lý được chất lượng giáo dục đại học*” Thực tế cho thấy, hiện có 13 bộ ngành và các địa phương quản lý tập trung các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng. Trong tổng số các trường đại học, cao đẳng hiện có, Bộ GD&ĐT hiện chỉ quản lý được 54 trường (chiếm 14,4%), các bộ, ngành

khác quản lý 116 trường (chiếm 30,8%), Ủy ban Nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố quản lý 125 trường (chiếm 33,2%), 81 trường dân lập, tư thục (chiếm 21,5%). Hơn nữa, việc kiểm tra chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục ở các bộ, ngành khác và UBND tỉnh và thành phố là các cơ quan chủ quản còn rất hạn chế. Mặc dù Bộ GD&ĐT là cơ quan duy nhất được luật pháp cho phép phát hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giáo dục, vẫn còn có (những) bộ khác ban hành các văn bản chồng chéo lên chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Do vậy, nếu không phân cấp, giao quyền tự chủ, chịu trách nhiệm cho các địa phương, các trường đại học thì một mình Bộ không thể quản lý nổi.

Chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cho đến nay, Việt Nam chưa có một trường đại học nào được quốc tế công nhận về chất lượng và có tên trong danh sách các trường đại học hàng đầu ở châu Á. Số lượng rất ít các bài viết của Việt Nam được xuất bản trên các tạp chí khoa học hàng đầu trên thế giới (Bảng 1).

Các trường đại học Việt Nam chưa đào tạo được lực lượng lao động có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước. Kết quả điều tra do các hiệp hội thuộc Chính phủ thực hiện cho thấy khoảng 50% sinh viên tốt nghiệp đại học ở Việt Nam không tìm được việc làm đúng chuyên môn². Một ví dụ rất điển hình là kết quả kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn 2.000 sinh viên công nghệ thông tin Việt Nam do Intel thực hiện cho thấy chỉ có 90 ứng cử viên, tức là 5% đạt yêu cầu, và trong nhóm này

¹ Nguồn Bộ GD&ĐT.

² Harvard Kennedy School, ASH INSTITUTE for Democratic Governance and Innovation, Asia Programs, Vietnamese Higher Education: Crisis and Response, Memorandum Higher Education Task Force, November 2008.

chỉ có 40 người có đủ trình độ tiếng Anh đạt yêu cầu tuyển dụng. Intel cho biết đây là kết quả tồi tệ nhất mà họ chưa từng gặp ở những quốc gia mà họ đầu tư. Chất lượng

thấp của giáo dục đại học Việt Nam so với các nước phát triển nói chung, các nước trong khu vực nói riêng còn phản ánh ở số bằng sáng chế được cấp ở Bảng 2 dưới đây.

Bảng 1: Số lượng bài viết được đăng trên các tạp chí khoa học (có bình duyệt) năm 2007

Các trường đại học, cao đẳng	Quốc gia	Số bài xuất bản
ĐH Tổng hợp Quốc gia Xêun	Hàn Quốc	5.060
ĐH Tổng hợp Quốc gia Xingapo	Xingapo	3.598
ĐH tổng hợp Bắc Kinh	Trung Quốc	3.219
ĐH tổng hợp Phúc Đan	Trung Quốc	2.343
ĐH tổng hợp Mahidol	Thái Lan	950
ĐH tổng hợp Chulalongkorn	Thái Lan	822
ĐH tổng hợp Malaixia	Malaixia	504
ĐH tổng hợp Philippin	Philippin	220
ĐH Quốc gia Việt Nam (Hà Nội &TPHCM)	Việt Nam	52
Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Việt Nam	4

Nguồn: Science Citation Index Expanded, Thomson Reuters.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học công nghệ, yêu cầu các trường đại học phải thay đổi nội dung và phương pháp giảng dạy để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao. Sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới yêu cầu Việt Nam phải cân nhắc lại

cấu trúc tổ chức quản lý, chức năng và vai trò của giáo dục đại học. Như vậy, phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội cho các trường đại học được xem như là cách tốt nhất để quản lý hệ thống giáo dục ngày càng phức tạp trong môi trường biến động toàn cầu không ngừng thay đổi.

Bảng 2: Chỉ số sáng tạo (Innovation Index)

Quốc gia	Số bằng sáng chế được cấp năm 2006
Hàn Quốc	102.633
Trung Quốc	26.292
Xingapo	995
Thailand	158
Malaixia	147
Philippin	76
Việt Nam	0

Nguồn: World Intellectual Property Organization, 2008 Statistical Review.

về kế hoạch, chương trình đào tạo, nhân sự, nghiên cứu khoa học, tài chính,...). Nếu như sự chuyển giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội diễn ra ồ ạt thì một số trường chưa có đủ năng lực và đủ điều kiện để gặp lúng túng khi tiếp nhận và có thể gây ra những hậu quả khó lường. Trên thực tế ở nước ta, có những trường đại học chất lượng nguồn nhân lực bị hạn chế, trong khi năng lực quản lý của đội ngũ lãnh đạo yếu kém không dám nhận quyền và trách nhiệm được trao cho, vẫn còn có tâm lý thụ động, ỷ lại Nhà nước. Không ít hiệu trưởng trường đại học khi được bổ nhiệm chưa qua các khóa đào tạo bài bản về quản lý giáo dục đại học, thường làm theo thói quen, kinh nghiệm là chính. Do vậy, muốn phát triển được đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, bản thân các trường phải xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, trưởng các phòng ban, trưởng khoa, trưởng bộ môn.... Đồng thời, triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo nhà trường (đặc biệt là lực lượng lãnh đạo kế cận trẻ, có tư duy đổi mới và năng động) trong ngắn hạn và dài hạn để có định hướng bồi dưỡng, đào tạo. Nhà nước chỉ trao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội cho các trường đại học khi có đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực tiếp nhận và điều hành nhà trường.

Xây dựng khuôn khổ luật pháp để thừa nhận và bảo vệ quyền tự chủ và đảm bảo trách nhiệm xã hội của các trường đại học cũng là một trong những điều kiện quan trọng. Hạ tầng pháp lý (luật, những quy định của chính phủ và thông tư hướng dẫn) và khuôn khổ thể chế (điều chỉnh cấu trúc và trách nhiệm của nhà nước và trường) là hai khía cạnh quan trọng để đảm bảo quyền này. Đến nay, chúng ta vẫn chưa có Luật Giáo dục đại học, trong khi đó các văn bản pháp luật, các quy phạm pháp luật hiện hành về giáo dục đại học còn rất phân tán, hiệu lực pháp lý

không cao, đã gây khó khăn cho công tác quản lý của nhà nước và hoạt động của các trường³. Những vấn đề quan trọng của giáo dục đại học như tổ chức, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, kiểm định chất lượng giáo dục, tài chính, thanh tra, kiểm tra, ...đang được điều chỉnh bởi các văn bản pháp lý dưới luật rời rạc, chưa mang tính hệ thống. Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục đại học vẫn mang nặng tính ôm đồm, can thiệp không đúng đối tượng, lĩnh vực, đã gây tổn kém nguồn lực, không phát huy được quyền tự chủ của các trường, thậm chí còn kìm hãm sự phát triển của trường⁴. Do vậy, cần phải sớm ban hành Luật Giáo dục đại học để tạo cơ sở pháp lý cao hơn cho hoạt động giáo dục đại học phát triển, giúp các trường đại học có thể thực thi quyền tự chủ và tính trách nhiệm xã hội của mình. Quá trình xây dựng Luật giáo dục đại học yêu cầu phải có sự tham gia góp ý không chỉ các chuyên gia giáo dục trong và ngoài nước có uy tín, kinh nghiệm mà cần có sự tham gia của đội ngũ giảng viên, xã hội. Nội dung Luật Giáo dục đại học cần hướng tới chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc tế, nhưng đảm bảo công bằng xã hội. Bên cạnh đó, cần rà soát lại, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học, trong đó đặc biệt lưu ý đến các văn bản quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đại học, quy chế hoạt động của các loại hình trường, quy chế đào tạo, quy định về kiểm định chất lượng đào tạo, về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường.

³ Theo Tiến sĩ Bùi Văn Ga, thứ trưởng Bộ GD&ĐT (http://tintuc.vnn.vn/newsdetail/giao_duc/78902/can-trao-quyen-tu-chu-cho-cac-truong.htm, thứ Tư, 11/5/2011).

⁴ Nguyễn Tuệ Anh (2010), Tiếp tục cải cách và đổi mới khu vực tổ chức sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ giáo dục và y tế ở Việt Nam.

Thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và khuyến khích sự tham gia của xã hội vào quá trình phát triển giáo dục đại học cũng là những điều kiện quan trọng để thực thi có hiệu quả quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội của trường. Điều này có nghĩa rằng trường (bao gồm cả lãnh đạo và cán bộ công nhân viên) và xã hội phải được biết về mức độ và lộ trình phân cấp, phân quyền và trách nhiệm của Nhà nước, của trường đại học trong quản lý giáo dục. Do lĩnh vực giáo dục và đào tạo đang được sự đầu tư và quan tâm rất lớn của Nhà nước và Xã hội, người dân phải được thông báo đầy đủ và cập nhật thông tin về năng lực quản lý, nội dung và chất lượng đào tạo, các khoản thu chi của trường. Bên cạnh đó, cần thực hiện xã hội hóa công tác kiểm định chất lượng với sự tham gia của các tổ chức kiểm định độc lập, các hiệp hội chuyên ngành để góp phần thực hiện giám định chất lượng giáo dục một cách công bằng, khách quan và được xã hội thừa nhận. Những việc làm này không những tạo điều kiện cho các trường, các cá nhân phát huy được quyền tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội, tự kiểm soát bên trong của trường trên cơ sở các quy định của Nhà nước, mà còn khuyến khích sự tham gia giám sát, kiểm tra của Nhà nước, của xã hội, giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh các văn bản pháp lý và lãnh đạo nhà trường điều chỉnh các quy định, chương trình và nội dung đào tạo phù hợp với thực tế hơn. Thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình thường xuyên, thông qua nhiều phương tiện thông tin (các trang web., bản tin nội bộ, các cuộc họp, hội thảo, truyền hình, tạp chí, v.v..) trước cán bộ công nhân viên, sinh viên và người dân về các hoạt động của trường sẽ làm lành mạnh hóa các quan hệ trong nội bộ trường, tạo sự tin tưởng trong xã hội. Từ đó, huy động được các nguồn lực ở trong nước và nước ngoài vào quá trình phát

triển của trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam.

4. Kết luận

Tóm lại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam hiện nay, việc tăng quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội cho các trường đại học là tất yếu để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, để thực thi quyền này đòi hỏi phải giải quyết được những điều kiện quan trọng, đó là, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục Nhà nước và cán bộ lãnh đạo các trường; Hoàn thiện các văn bản pháp lý để thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ quyền tự chủ và đảm bảo trách nhiệm xã hội của các trường; Công khai, minh bạch hóa thông tin và khuyến khích sự tham gia tích cực của xã hội vào quá trình phát triển của nhà trường nói riêng, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nói chung. Trao nhận quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội là một quá trình, đòi hỏi phải có lộ trình thực hiện rõ ràng và dài hạn để đảm bảo thực thi có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- CARDS Project (2002), “Institutional Autonomy and Accountability” in CARD Project 2002: Higher Education Mobility: Diploma Recognition Policy and Legislation. Paper presented at workshops Peter Debrzeni Team Leader.
- Chiang, LC (2004), “The Relationship between University Autonomy and Funding in England and Taiwan” Higher Education, Vol. 48, pp.189-212.
- Hayden, M, Lam, QT (2007), “International Autonomy for Higher

Education in Vietnam” Higher Education Research & Development, vol. 26, No.1, March 2007, pp 73-83.

- Ngo Thi Tuyet Mai (2010), “Enhancing Institutional Autonomy for Higher Education in Vietnam”, Vietnam Economic Management Review, Volume 5.
- Nguyen, TLH (2008), “Vietnam Higher Education Reform for the Nation’s Development”. Paper presented at Macau SAR, PR China 26th September.

- Vallely, Wilkinson (2008), “Vietnamese Higher Education: Crisis and Response”, Harvard Kennedy School ASH Institute for Democratic Governance and Innovation: Asia Programs.

- Vu, NH (2006), “On the Autonomy and Accountability of Vietnamese Educational Institutions and Universities”. Paper presented at International Forum on WTO Entry and Vietnam Higher Education Reform.